TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22-10-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Cao Đặng Trình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Chính

Ông Vũ Văn Lẫy

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đô - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 700/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 751/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Minh T; nơi cư trú: Tổ 17, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn*: Anh Vũ Hữu C; ĐKHKTT: Tổ 17, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng, chỗ ở: Thôn Cái Tắt (chỗ ở cũ thôn Trang Quan), xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Vũ Hữu C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 17/12/2002. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải, cuộc sống vợ chồng căng thẳng, không hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên từ năm 2017 đến nay, hai vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình

cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá nghiêm trọng, không thể đoàn tụ được nên chị Nguyễn Thị Minh T đề nghị Toà án giải quyết cho chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với anh Vũ Hữu C.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Vũ Hữu C có 02 con chung là Vũ Thị Mai A, sinh ngày 15/8/2006 và Vũ Hữu M, sinh ngày 01/7/2003; con Vũ Hữu M đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Minh T đề nghị giao con Vũ Thị Mai A cho anh Vũ Hữu C trực tiếp nuôi dưỡng vì từ trước đến nay cháu vẫn ở với bố và được chăm sóc phát triển bình thường. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Minh T đề nghị để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Minh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình Toà án giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận K đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Vũ Hữu C không hợp tác, không đến Toà án làm việc, không tham gia các phiên hoà giải, không có văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn anh Vũ Hữu C. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Vũ Hữu C có 02 con chung là Vũ Thị Mai A, sinh ngày 15/8/2006 và Vũ Hữu M, sinh ngày 01/7/2003; con Vũ Hữu M đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao con Vũ Thị Mai A cho anh Vũ Hữu C trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Vũ Hữu C đều không yêu cầu Toà án giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Minh T; nơi cư trú: Tổ 17, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng và anh Vũ Hữu C; ĐKHKTT: Tổ 17, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng, chỗ ở: Thôn Cái Tắt (chỗ ở cũ thôn Trang Quan), xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, hai bên đều thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng là nơi giải quyết vụ án; vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án nhân dân quận K đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a và b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Vũ Hữu C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 151 ngày 17/12/2002. Vì vậy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Minh T và anh Vũ Hữu C là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định chị Nguyễn Thị Minh T và anh Vũ Hữu C trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không hợp nhau, hai vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đề nghị của chị Nguyễn Thị Minh T xin ly hôn anh Vũ Hữu C là phù hợp pháp luật.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Vũ Hữu C có 02 con chung là Vũ Thị Mai A, sinh ngày 15/8/2006 và Vũ Hữu M, sinh ngày 01/7/2003; con Vũ Hữu M đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; con Vũ Thị Mai A có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn; trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Vũ Hữu C không có quan điểm về việc giải quyết vụ án; tuy nhiên từ trước đến nay cháu Vũ Thị Mai A vẫn ở với bố, được bố chăm sóc phát triển bình thường; nên việc chị Nguyễn Thị Minh T đề nghị giao cháu Vũ Thị Mai A cho anh Vũ Hữu C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, cần được chấp nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Minh T.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Minh T không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a và b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh T và anh Vũ Hữu C.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Vũ Hữu C 02 con chung là Vũ Thị Mai A, sinh ngày 15/8/2006 và Vũ Hữu M, sinh ngày 01/7/2003; con Vũ Hữu M đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao con Vũ Thị Mai A cho anh Vũ Hữu C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Minh T hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị Nguyễn Thị Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015357 ngày 16/8/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng, chị Nguyễn Thị Minh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 06, 07, 07a và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận K;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường Q;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Đặng Trình